

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày 16-6-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Diệu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Đình Phùng

Bà Khúc Thị Minh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn H, xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Phạm Đức D, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 25 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Phạm Đức D tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K vào ngày 10 tháng 12 năm 2009 (Giấy chứng nhận kết hôn số 78). Giữa năm 2015 anh chị phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh D lười lao động, vô trách nhiệm với vợ con, vợ chồng nghi ngờ nhau không chung thủy, từ đó thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, chị mang con về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 6 năm 2016 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh D.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Đức C, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2011, đang do chị nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Đức D vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa, chị M giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu nêu trên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M, cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Phạm Đức D.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Đức C, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2011 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo

quy định của pháp luật. Chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

- Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Đức D có đăng ký kết hôn từ năm 2009. Quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn, chị M đã về nhà mẹ ở tại xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng; anh D vẫn cư trú tại xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng. Tháng 3/2021 chị M nộp đơn xin ly hôn anh D và yêu cầu giải quyết về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện K; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ pháp luật về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, trên cơ sở lời khai và yêu cầu của nguyên đơn; Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với anh D (bị đơn) nhưng anh D không đến Tòa án để trình bày lời khai; tham gia hòa giải; từ chối khai báo, vắng mặt không có lý do chính đáng, đến giai đoạn chuẩn bị xét xử; Tòa án cùng chính quyền địa phương đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và thời gian mở lại phiên tòa đối với anh D nhưng anh D vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị M xin ly hôn anh D; căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã N cung cấp thì hôn nhân của chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Đức D là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ giữa năm 2015 do bất đồng quan điểm sống, anh D lười lao động, không quan tâm đến vợ con, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, chị M đã mang con về nhà mẹ đẻ ở từ giữa năm 2016 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống gia đình. Như vậy đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài; yêu cầu xin ly hôn của chị M có căn cứ chấp nhận, nên xử cho chị M được ly hôn anh D là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về nuôi con chung: Nguyên vọng của chị M được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Đức C, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2011 đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chị M; ý kiến trình bày của đại diện gia đình chị M, gia đình anh D cũng như chính quyền xã N cung cấp thì chị M làm nghề buôn bán nhỏ, thu nhập trung bình từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/ tháng; có chỗ ở ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng con; anh D lười lao động, thu nhập không ổn định; mặt khác, nguyên vọng của cháu C được ở với chị M. Nên cần giao cháu C cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh D.

[5] Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị M không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Phạm Đức D.
2. Về con chung: Giao cháu Phạm Đức C, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Phạm Đức D.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Đức D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0009087 ngày 01 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị M đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Phạm Đức D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Dịu**

